Văn mẫu lớp 10: Cảm nhận bài thơ Lầu Hoàng Lạc

Dàn ý chi tiết

1. Mở bài:

- Thôi Hiệu (704 – 754) quê ở Biện Châu, phủ Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, ông đỗ tiến sĩ năm 723, sau đó làm quan đến chức Tư huân viên ngoại lang.

- Ông sáng tác rất nhiều thơ với những đề tài khác nhau, nổi tiếng nhất là bài Hoàng Hạc lâu (Lầu Hoàng Hạc) được truyền tụng rộng rãi qua hàng ngàn năm. Tâm trạng u hoài trước thời thế của tác giả được thể hiện bằng một bài thơ Đường luật với nghệ thuật tài tình hiếm có.

2. Thân bài:

* Hai câu đề:

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,

Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.

(Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,

Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu.)

– Nhắc lại huyền thoại về nguồn gốc của lầu Hoàng Hạc từ xa xưa, thời tiễn còn ở lẫn với người.

– Trải qua bao tang thương dâu bể, giờ đây lầu Hoàng Hạc đứng chơ vơ, cô quạnh bên bãi vắng sông trôi khiến thi nhân chạnh lòng nhớ cổ thương kim.

* Hai câu thực:

Hạc vàng đi mất từ xưa,

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.

(Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,

Bạch vân thiên xải không du du.)

– Hình ảnh hạc vàng gắn liền với khung cảnh thần tiên. Hạc vàng bay mất không bao giờ quay trở lại mang theo tất cả những gì là huyền ảo nhất, thơ mộng nhất của lầu Hoàng Hạc.

– Chỉ còn mây trắng vẫn bay giống như ngàn năm trước. Khung cảnh được miêu tả bằng cảm xúc ngậm ngùi, nuối tiếc của nhà thơ. Nhà thơ chìm đắm trong tâm trạng hoài cổ, giữa không gian tịch mịch cô liêu.

* Hai câu luận:

Hán Dương sông tạnh cây bày,

Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non.

(Tinh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,

Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.)

– Thiên nhiên đẹp như một bức tranh sơn thủy với đường nét, màu sắc hài hoà: nắng chiếu trên hàng cây trên bến Hán Dương; màu xanh mướt của thảm cỏ non trên bãi xa Anh Vũ.

– Nghệ thuật miêu tả tinh tế, điêu luyện, chỉ vài nét phác họa mà thể hiện được thần thái của cảnh vật (thi trung hữu họa).

* Hai câu kết:

Quê hương khuất bóng hoàng hôn,

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.

(Nhật mộ hương quan hà xứ thị,

Yên ba giang thượng sử nhân sầu.)

– Nhịp thơ ngắn 2-2-1-1 trong nguyên tác chữ Hán và nhịp 2-2-2 trong câu thơ dịch của Tản Đà tạo nên âm hưởng trầm buồn, đặc tả tâm trạng thương nhớ quê hương da diết của Thôi Hiệu.

– Hình ảnh Trên sông khói sóng là tác nhân gợi nỗi nhớ đau đáu khôn nguôi trong lòng nhà thơ. Khung cảnh chập chờn, mông lung của cảnh vật rất phù hợp với tâm trạng ấy (xúc cảnh sinh tình).

– Cái hay của hai câu kết tụ lại ở từ sầu là nhãn tự, thần tự của bài thơ.

3. Kết bài:

– Viết về lầu Hoàng Hạc có tới hàng ngàn bài thơ khác nhau của hàng ngàn thi sĩ từ xưa tới nay nhưng bài Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu vẫn xuất sắc nhất.

– Giai thoại kể về "Thi tiên" Lí Bạch đến thăm lầu Hoàng Hạc, cảm hứng nổi lên định làm thơ ngâm vịnh nhưng khi nhìn thấy bài thơ của Thôi Hiệu để trên vách lầu thì gác bút không dám viết nữa là cách khẳng định giá trị bất hủ của Hoàng Hạc lâu và vị trí đỉnh cao của tên tuổi Thôi Hiệu.

Bài làm 1

"Trước mắt có cảnh nói không được,

Vì thơ Thôi Hiệu ở trên đầu"

Đó là hai câu thơ của Lý Bạch nói vì sao mình không làm thơ để vịnh lầu Hoàng Hạc. Lý Bạch là một trong những nhà thơ cự phách đời Đường. Hai câu thơ trên cho thấy "thi tiên" Lý Bạch là một con người cực kì khiêm nhường, đồng thời khẳng định "Hoàng Hạc lâu " của Thôi Hiệu là một áng thơ kiệt tác.

Nguyên tác là thơ thất ngôn bát cú. Thi sĩ Tản Đà sáng tạo dịch thành thơ lục bát. Nhiều nhà thơ Việt Nam đã thử bút dịch bài thơ này, nhưng theo ý kiến của Xuân Diệu thì bản dịch của Tản Đà là xuất sắc hơn cả.

Lầu Hoàng Hạc

Hạc vàng ngai cưỡi đi đâu,

Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.

Hạc vàng đi mất từ xưa!

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay

Hán Dương sông tạnh cây bày,

Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non.

Quê hương khuất bóng hoàng hôn,

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?

Tản Đà dịch

Lầu Hoàng Hạc là một thắng cảnh ở Vũ Xương thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Lầu đẹp, cảnh nên thơ, lại được bao phủ bằng một lớp sương mờ huyền thoại, nên càng trở nên hấp dẫn. Tương truyền Phí Văn Vi, tu tiên đắc đạo, thường cưỡi hạc vàng đến đây chơi. Có biết bao tao nhân mặc khách đã đến thăm lầu, ngoạn cảnh và đề thơ. Thôi Hiệu chỉ để lại gần 40 bài thơ, nhưng chỉ có "Hoàng Hạc lâu" là được truyền tụng hơn cả.

Dào dạt qua những vần thơ là cảm hứng hoài cổ của một thi nhân, du khách. Hai câu đầu, thi hứng khơi nguồn từ chuyện "Hạc vàng " trong huyền thoại, từ đó nói lên sự xúc động đến ngạc nhiên khi nhà thơ nhìn thấy lầu xưa. Lầu đứng chơvơ. Mái lầu như chìm trong tĩnh mịch, hoang sơ. Bao hoài niệm về "tích nhân" về Hoàng Hạc dâng lên dạt dào, man mác:

"Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,

Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ".

Niềm thương nhớ cảm hoài một lúc một dâng cao. Hạc vàng cùng tiên đã bay đi, chẳng bao giờ trở lại nữa "nhất khứ bất phục phản Như ngẩn ngơ! Như chìm đi trong mộng tưởng. Như man mác một mối sầu thương. Nhìn mây trắng phủ trên mái lầu vàng, lơ lửng bay trên bầu trời xanh (bạch vân... du du), nhà thơ như sực tỉnh:

"Hạc vàng đi mất từ xưa!

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay"

"Hạc vàng" với "mây trắng", quá khứ với hiện tại, cái mất đi từ nghìn xưa với cái hữu hình "còn bay"... hô ứng nhau, đối ứng nhau, tạo nên những vần thơ đẹp vô cùng gợi cảm. Trong phần "đề" và "thực" của bài thơ, ba từ "Hoàng hạc "ba lần xuất hiện trên cái nền "mây trắng ngàn năm bay chơi vơi " (câu thơ dịch của Khương Hữu Dụng); màu sắc hài hòa tuyệt đẹp làm gợi lên một cảnh quan mỹ lệ nên thơ. Đặc biệt câu thơ thứ 4 "Hoànghạc nhất khứ hất phục phản" gồm 6 thanh trắc xuất hiện liên tiếp, luật bằng trắc của thơ Đường bị phá cách. Âm hưởng câu thơ như bị "thắt " lại nhằm biểu hiện cái cảm giác ngẩn ngơ, bâng khuâng, tiếc nuối của du khách khi ngắm lầu vàng. Ngòi bút của Thôi Hiệu rất điêu luyện trong phối thanh hòa sắc để tạo nên những vần thơ đẹp "thi trung hữu họa, thi trung hữu cầm " cho ta nhiều rung cảm.

Ngắm trời xanh, mây trắng, lầu vàng, mỗi bước chân của thi nhân như dẫn hồn mình phiêu du vào thế giới thần tiên, mộng ảo. Rồi nhà thơ bâng khuâng đưa mắt ra bốn phía, ra chân trời xa. Mặt sông lúc trời tạnh, sáng trong như tấm gương phản chiếu cây cối vùng Hán Dương rõ mồn một,cỏ thơm trên bãi Anh Vũ mơn mởn xanh tươi. Cảnh vật sông nước, cỏ cây như chan chứa xuân sắc, xuân tình. Hai câu luận được cấu trúc đăng đối hài hòa, cặp từ láy "lịch lịch - thê thê " là hai nét vẽ tinh tế khắc họa cái "hồn " của cảnh trí non sông. Ngòi bút của Thôi Hiệu đã làm sống dậy cỏ cây thiên nhiên bằng đường nét và gam màu tươi sáng nhiều ấn tượng:

"Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,

Phương thảo thê thê Anh Vũ châu"

Trải qua trên 1200 năm, không biết đích xác Thôi Hiệu đã đến chơi lầu Hoàng Hạc vào thời gian cụ thể nào, nhưng qua hình ảnh "tình xuyên lịch lịch... " và "phương thảo thê thê", người đọc cảm nhận được đó là một mùa xuân đẹp, thanh bình. Câu thơ như một bức tranh thủy mặc, đường nét xa-gần, đậm-nhạt, màu sắc trong và dịu, tinh tế và biểu cảm. Câu thơ dịch của Tản Đà thật vô cùng linh diệu, nó làm tái hiện lại "điệu Đường", "hồn Đường" trong nguyên tác:

"Hán Dương sông tạnh cây bày,

Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non"

Thi nhân đứng một mình trên lầu cao. Trời đã về chiều. Lầu Hoàng Hạc mờ dần trong bóng hoàng hôn. Lòng man mác sầu thương. Du khách nhìn mãi... nhìn mãi... khắp bốn phía chân trời, vẫn chẳng thấy quê hương mình ở đâu: "Nhật mộhương quan hà xứ thị? ".Câu hỏi tu từ khơi gợi bao nỗi niềm nao nao, bâng khuâng. Người đọc như hòa điệu, đồng cảm với nỗi u hoài, thương nhớ quê hương của nhà thơ:

"Quê hương khuất bóng hoàng hôn,

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?"

"Trên sông khói sóng" (Yên ba giang thượng) là một hình ảnh đầy thi vị, huyền ảo, gợi tả cảnh sông nước phủ mờ sương khói lúc hoàng hôn. Câu thơ tả ít mà gợi nhiều. Một nỗi buồn thương thấm thìa. Một tình quê vơi đầy lâng lâng. Hình ảnh ấy, thi liệu ấy đã được tái tạo, được nhập thân vào hồn thơ dân tộc ta, làm nên vẻ đẹp phong vị Đường thi cổ kính, hoa lệ:

"Lòng quê dợn dợn vời con nước

Không khói hoànghôn cũng nhớ nhà"

("Tràng Giang" - Huy Cận)

"Yên ba thâm xứ đàm quân sự... "

("Nguyên tiêu" - Hồ Chí Minh)

Thơ Đường rất gần gũi và quen thuộc với nhân dân ta. Nó là món ăn tinh thần của các nhà nho, các nhà thơ Việt Nam. Phần lớn các bài thơ kiệt tác của văn học trung đại dân tộc ta đều được sáng tạo theo thi pháp Đường thi - dân tộc hóa, tạo nên bản sắc Việt Nam.

Bài thơ "Hoàng Hạc lâu" của Thôi Hiệu xứng đáng là một viên ngọc quý trong kho tàng văn học phương Đông. Cảnh lầu đẹp nên thơ được khơi gợi dưới một lớp sương mờ huyền thoại. Cảm hứng hoài cổ man mác, tình quê bâng khuâng vơi đầy... Tất cả làm nên vẻ đẹp nhân văn của thi phẩm này, và hồn thơ dào dạt của li khách đã in dấu đậm đà trong lòng mỗi chúng ta.

Bài làm 2

Thôi Hiệu sinh ra và lớn lên vào những nam sơ - thịnh Đường, tính tình phóng khoáng, thích đi ngao du sơn thuỷ. Một lần đến chơi thành Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc, Thôi Hiệu lên ngắm lầu Hoàng Hạc. Cảnh vật xung quanh vào tầm mắt, nhà thơ cảm thấy có một nỗi buồn thấm thía mơ hồ thấm vào cõi lòng. Ông xúc cảm viết bài Hoàng Hạc lâu, khiến mọi người cảm phục. Quan sở tại đã cho khác bài thơ lên vách lầu Hoàng Hạc. Sau này, tương truyền có lần thi tiên Lá Đạch đến lầu Hoàng Hạc, toan cầm bút đề thơ, nhưng không sao viết được vì đã có thơ Thôi Hiệu đầy rồi.

Bài thơ này đã lưu luyến ở Việt Nam từ rất lâu và được một số người chuyển dịch sang tiếng Việt. Trong đó, có lẽ thành công hơn cả là bản dịch đầy tài hoa của nhà thơ Tản Đà:

Hạc vàng ai riêng lầu còn trơ,

Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ,

Hạc vàng đi mất từ xưa,

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.

Hán Dương sông tạn cây bày,

Bãi xa Anh Vũ xanh dày cò non.

Quê hương khuất bóng hoàng hôn,

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?

Huy Cận đã chịu ảnh hưởng hai câu kết trong bài thơ này khi viết hai câu kết của bài Tràng Giang:

Lòng quê dờn dợn với con nước

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

Thôi Hiệu và Huy Cận đều có chung một nỗi nhớ của người xa quê. Cố điều, Thôi Hiệu nhân nhìn thấy khói và sóng trên sông mà nảy sinh ra tâm trạng ấy, còn Huy Cận không khói hoàng hôn (tức là không có cái gì gợi nhớ), nhưng cũng nhớ nhà. Đó là không có cái độc đáo của Huy Cận. Nhưng dẫu sao, thì hai câu thơ của nhà thơ Việt Nam nói trên vẫn đậm đặc chất Đường Thi, chất Thôi Hiệu trong cốt cách, trong tinh tuý.

Hoàng Hạc lâu đúng là một kiệt tác. Bài thơ mạnh mẽ, sinh động, đặc biệt thành công về mặt âm điệu. Thành công này có được do kết hợp hài hoà giữa việc sử dụng thành thục luật Đường thi và sự phá luật khi cần thiết để diễn tả hay nhất những cảm xúc.

Bốn câu đầu bài thơ tập trung khá nhiều đặc sắc về mặt âm điệu. Câu đầu tiên của bài thơ là một câu phá luật. Chữ thứ hai lẽ ra là thanh trắc ở đây lại là thanh bằng. Chữ thứ tám lẽ ra phải vần với chữ thứ tám các câu 4, 6, 8 và có thanh bằng, ở đây lại thất vận và dùng thanh trắc. Sự thay đổi trên làm cho câu thơ có một nhạc điệu man mác, đặc biệt thanh trắc của chữ thứ tám dường như kéo dài thêm mãi âm điệu của câu thơ, diễn tả rất đạt nỗi bàng hoàng đến ngẩn ngơ trước một thực tại: người tiên và hạc vàng đâu còn nữa. Câu thơ dịch của Tản Đà. Hạc vàng ai cưỡi đi đâu thật trần tình. Nó không hề đánh mất mà đã chuyển đến người đọc Việt Nam trọn vẹn cái hay của câu thơ Thôi Hiệu cả về tứ thơ lẫn âm điệu.

Bài thơ Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu là bài thơ hay vì âm điệu uyển chuyển nhịp nhàng, lúc mau, lúc khoan, khi bổng khi trầm

Câu thơ thứ hai phát triển tiếp tục ý tứ của câu thứ nhất trong sự đối lập xưa và nay, còn và mất. Đây cũng là một sáng tạo của Thôi Hiệu vì thơ Đường không đặt ra yêu cầu đối giữa hai câu phá đề và thừa đề. Ở câu thơ này, Thôi Hiệu không chú ý tạo sự đối lời mà hướng tới sự đối ý: người tiên, chim hạc không còn nhưng lầu Hoàng Hạc còn đó. Chữ trơ trong câu thơ, tác giả hạ thật đắt, vừa gợi thế đứng một mình cô độc trên lầu Hoàng Hạc nơi trần thế không cố gì vĩnh hằng vĩnh cửu này, vừa diễn tả cảm xúc ngậm ngùi luyến tiếc trước cảnh đó người đâu. Có một cái gì như là bàng hoàng, ngẩn ngơ lại như là trầm tư, suy ngẫm trước môi quan hệ xua, nay còn, mất ở đời.

Câu thơ thứ ba, thứ tư lại hướng về mối quan hệ giữa cái vô cùng là cái hữu hạn. Đám mây trắng kia là của hôm nay hay của nghìn đời xưa? Hac vàng bay đi rồi trở lại hay mãi mãi không trở về? Sự trăn trở đầy triết lý được diễn tả trong những câu thơ âm điệu khá độc đáo. Sáu trên bảy tiếng của câu thứ ba là thanh sắc làm cho câu thơ phá luật tạo âm điệu không êm dịu, nhẹ nhàng như diễn tả sự bừng tỉnh của nhà thơ sau một hồn đắm chìm trong cảm xúc bàng hoàng để nhận ra sự thực đau đớn: Hạc vàng một khi đã bay đi không bao giờ trở lại. Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản). Câu thứ tư mang âm điệu êm dịu khác hẳn câu thứ ba. Nằm trên bảy chữ có thanh bằng nhất là ba tiếng cuối

cùng của câu (không du du) có thanh bằng liên tiếp (người Trung Quốc gọi là lôi tam bình điệu) đã góp phần diễn tả rất đạt những đám mây trắng nhẹ nhàng bay trên không trung. Chính hai tiếng thiên tài đã mang lại hình ảnh đám mây trắng chiều sâu củ sự suy tưởng: đám mây tưởng chỉ mới xuất hiện hôm nay hoá ra đã có từ nghìn năm, trong cái hữu hạn của ngày hôm nay đã chứa cái vô hạn của muôn đời.

Trong bốn câu thơ đầu, thực tại và quá khứ, cảnh vật và cảm xúc, tả thực và suy tưởng xen kẽ nhau trong những vần thơ biến hoá về âm điệu, vừa quy phạm, vừa tài hoa. Điều kì lạ là điện văn của cả bốn câu đi thẳng một mạch từ chữ đầu cho đến hết câu 4 với hai tiếng Hoàng Hạc nhắc lại khiến người đọc hình dung ra được cái cảnh những đám mây trắng nhẹ nhàng lờ lững bay trên không trung đưa hồn người lữ khách bay theo (Trần Trung San).

Bốn câu thơ cuối đưa người đọc từ sự suy tư, đắm chìm trong những cảm xúc đầy triết lí trở lại với cuộc sống thực – để ngắm nhìn hàng cây, bãi cỏ, để cùng băn khoăn một nỗi băn khoăn trần thế – Nhật mộ hương quan là xứ thị – Chiều tối rồi, quê hương ở nơi đâu? Bức tranh thiên nhiên trong hai câu 5 và 6 hiện lên với những chi tiết thực, hàng cây đất Hán Dương soi bóng rõ mồn một xuống lòng sông tạnh, bãi Anh Vũ cỏ thơm mơn mởn xanh tươi. Cảnh sắc tươi tắn, bình dị và giàu sức sống khiến cho bài thơ miêu tả một di tích, một cổ lâu mà vẫn gần gũi cuộc đời thực tại.Hai câu kết đưa người đọc trở lại với nỗi trăn trở và cảm xúc của một người khách xa nhà. Điệu văn ở câu 5 và 6 chậm lại và đi song song với nhau nghiêm trọng, tề chinh và tiếp tục nặng nề đi đến câu cuối bài tận cùng bằng vần trầm tĩnh thay duy nhất (sầu) diễn tả mỗi sầu miên man, dằng dặc đến vô cùng (Trần Trung San).

Bài thơ Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu là bài thơ hay vì âm điệu uyển chuyển nhịp nhàng, lúc mau, lúc khoan, khi bổng khi trầm như ru hồn người ta theo với ấm ba của những vần trong bài thơ. Bìa thơ có bốn vần bàng (lầu, du, cháu, sầu). Vần trầm bình thanh (sầu) ở cuối cùng, sau ba vần đều là phá bình thanh (lâu, du, châu), nối tiếp nhau, diễn tả được mối sầu triền miên, nặng nề, bát tận của người khách xa nhà trước cảnh khó mây mịt mùng. Tài hoa sáng tạo âm điệu của tác giả dồn lại trong bốn câu thơ đầu với nhiều nét độc đáo. Bài Hoàng Hạc lâu còn đặt ra nhiều thi đề thường trở đi trở lại trong thơ ca cổ Trung Quốc: cái vô cùng và cái hữu hạn, tỉnh và cảnh, quá khứ và hiện tại, cảnh tiên và cõi tục cái còn và cái mất. Đấy chính là sự thâm thuý, hàm súc của tác giả. Trong thế song hành của hai nửa bài thơ, nửa đầu nặng về sự phô diễn cảm xúc bàng hoàng, ngẩn ngơ, đau đớn, triền miên suy tư về quá khứ. Nửa cuối quy lại với hiện thực trần gian: hàng cây, bãi cỏ và mây khói mịt mùng trên dòng sông gợi nhớ một miền quê xa vắng. Cảm xúc ở đây giàu chất nhân bản lành mạnh khiến bài thơ đọng lại mãi trong tâm hồn bao thế hệ bạn đọc.

Mời bạn đọc cùng tham khảo https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop10